

Bản án số: 30/2025/HS-PT
Ngày 28- 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 266/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Phước H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2024/HS-ST ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Phước H, sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: tổ I, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951; bị cáo có vợ tên Cao Thị H1, sinh năm 1989 và có 04 người con; tiền sự: không; tiền án: ngày 23/4/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2019/HS-ST. Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 23/4/2023, chấp hành xong án phí ngày 12/8/2019; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023.

2. Lê Minh T, sinh năm 1984 tại tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1960 (đã chết); có vợ tên Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1998 và có người 02 con, sinh năm 2017 và năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 08/6/2011, bị Tòa án

nhân dân huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” tại Bản án số 57/2011/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2012; ngày 11/6/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 24/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015, chấp hành xong án phí ngày 21/7/2014; bị cáo tại ngoại.

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 và bà Lê Thị N1, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

4. Lê Thanh T1, sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số A tổ G, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1954; bị cáo có vợ tên Đặng Thị Hương T2, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

5. Võ Ngọc T3 (tên gọi khác: Đ1), sinh năm 1987 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc B2, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị Tuyết H3 (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

6. Đỗ Minh N2, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn V, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị H4, sinh năm 1977; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Anh T4, sinh năm 1994 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không, bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1976 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H5 (đã chết) và bà Lê Thị N3, sinh năm 1952; bị cáo có vợ tên Trần Thị Như Ý, sinh năm 1976 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

8. Trần Ngọc Đ2, sinh năm 1974 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N4, sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị N5, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ T5, sinh năm 1972 và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị bắt

tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Nguyễn Văn H6, sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký thường trú: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên Lê Thị Ngọc H7, sinh năm 1986 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Lê Văn T6, sinh năm 1976 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G1 (đã chết) và bà Trần Thị T7, sinh năm 1953; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thu V1, sinh năm 1976 (đã ly hôn) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Lưu Đăng T8, sinh năm 1992 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: xóm A, thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đăng V2, sinh năm 1964 và bà Lê Thị H8, sinh năm 1968; bị cáo có vợ tên Thái Thị Hồng T9, sinh năm 1993 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

12. Tô Tấn P, sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số A tổ I, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn T10, sinh năm 1946 và bà Trần Thị S, sinh năm 1951; bị cáo có vợ tên Võ Thị Ngọc Đ3, sinh năm 1979 và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

13. Phan Ngọc M (tên gọi khác: M1), sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc T11, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Bé S1, sinh năm 1961; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

14. Nguyễn Trí T12 (tên gọi khác: B2), sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G2 (đã chết) và bà Võ Thị H9, sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

15. Trương Văn M2, sinh năm 1986 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Ấp G, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Tấn P1, sinh năm 1954 và bà Lê Kim H10, sinh năm 1981; bị cáo có vợ tên Đỗ Thị Ngọc Đ4, sinh năm 1993 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

16. Võ Trường A (tên gọi khác: T2 gà), sinh năm 1993 tại tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H11, sinh năm 1959 và bà Võ Thị H12, sinh năm 1958; bị cáo có vợ tên Châu Ngọc U, sinh năm 1995 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Lê Phước H13 - là Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A, là người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T6, sinh năm 1976 tại tỉnh An Giang và bị cáo Trần Ngọc Đ2, sinh năm 1974 tại tỉnh An Giang, có mặt.

2. Ông Trầm Phú L2 - là Luật sư Công ty L4, chi nhánh tỉnh T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, là người bào chữa cho bị cáo: Võ Trường A (tên gọi khác: T2 gà), sinh năm 1993 tại tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 bị cáo khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/7/2023, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Phòng C3 Công an tỉnh B phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra và bắt quả tang tại khu vực trại gà của bị cáo Nguyễn Phước H (địa chỉ: tổ I, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương) có Lương Chí V3, Huỳnh Văn R, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Nguyễn Phước H, Nguyễn Minh T13 và một số đối tượng (đã bỏ chạy thoát) đang đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền.

Sau đó, Võ Ngọc T3, Phan Ngọc M, Tô Tấn P và Nguyễn Trí T12 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đầu thú. Trần Minh T14, Lê Minh T, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Nguyễn Tú A1, Võ Hồng T15, Trương Văn M2 và Võ Trường A đến Công an làm việc theo triệu tập.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 02/7/2023, tại khu vực trại gà, các bị cáo Nguyễn Phước H và Lương Chí V3 đã “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” dưới

hình thức đá gà thắng thua bằng tiền với 03 trận gà do V3 làm trọng tài và thu tiền xâu, V3 hưởng lợi 5% số tiền đặt cược từ bên thắng cược rồi chia lại cho H. Tổng số tiền xâu V3 nhận được của 03 trận gà là 1.050.000 đồng (trận thứ nhất là 400.000 đồng, trận thứ hai là 450.000 đồng, trận thứ ba là 200.000 đồng). Cụ thể:

Trận gà thứ nhất: Giữa gà xám, trọng lượng 2,5kg của Nguyễn Minh T13 đá với gà điều, trọng lượng 2,5kg của Võ Trường A, tỷ lệ 1:1. Vững làm trọng tài và hô xỏ gà 8.000.000 đồng, có nghĩa mỗi bên đặt cược số tiền 8.000.000 đồng.

Bên gà xám, Nguyễn Minh T13 đặt cược số tiền 4.000.000 đồng và là người băng cựa gà, Nguyễn Văn H6 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, Lê Minh T đặt cược 3.000.000 đồng và là người cân gà, Nguyễn Trí T12 là người thả gà.

Bên gà điều, Võ Trường A đặt cược số tiền 2.000.000 đồng và là người băng cựa và thả gà, Huỳnh Văn R đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, Lê Văn T6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Lưu Đăng T8 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 3.500.000 đồng chưa xác định được ai là người đặt cược.

Kết quả gà xám thắng nên V3 nhận số tiền 8.000.000 đồng từ bên A và lấy tiền xâu 5% trên số tiền đặt cược là 400.000 đồng rồi đưa cho bên thắng của Nguyễn Minh T13 số tiền 7.600.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc ở trận gà thứ nhất của Nguyễn Minh T13, Nguyễn Văn H6, Lê Minh T, Nguyễn Trí T12, Võ Trường A, Huỳnh Văn R, Lưu Đăng T8, Lê Văn T6 là 16.000.000 đồng.

Trận gà thứ hai: Giữa gà xanh, trọng lượng 2,8kg của Nguyễn Minh T13 đá với gà que, trọng lượng 2,8kg của Đỗ Minh N2 nhưng Nguyễn Văn L1 là người ôm gà đi đá, tỷ lệ 1:1. Vững làm trọng tài và hô xỏ gà 9.000.000 đồng, có nghĩa mỗi bên đặt cược số tiền 9.000.000 đồng.

Bên gà xanh, Nguyễn Minh T13 đặt cược số tiền 3.500.000 đồng và là người băng cựa gà, Lê Minh T đặt cược số tiền 3.500.000 đồng và là người cân gà, Nguyễn Trí T12 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng và là người thả gà, Nguyễn Tú A1 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng.

Bên gà que, Nguyễn Văn L1 đặt cược số tiền 2.000.000 đồng, Trần Ngọc Đ2 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Đỗ Minh N2 đặt cược số tiền 2.000.000 đồng, Lê Văn T6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Văn L đặt cược số tiền 2.000.000 đồng thông qua sự giúp sức của Lê Thanh T1, còn lại số tiền 2.000.000 đồng chưa xác định được ai là người đặt cược, người tên T16 (không rõ lý lịch) là người băng cựa và thả gà.

Kết quả gà xanh thắng, V3 nhận số tiền 9.000.000 đồng từ bên N2 và lấy tiền xâu 5% trên số tiền đặt cược là 450.000 đồng rồi đưa cho bên thắng của Nguyễn Minh T13 số tiền 8.500.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc ở trận gà thứ hai của Nguyễn Minh T13, Lê Minh T, Nguyễn Trí T12, Nguyễn Tú A1, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Lê Văn T6, Nguyễn Văn L và Lê Thanh T1 là 18.000.000 đồng.

Trận gà thứ ba: Giữa gà que đen, trọng lượng 3kg của Trương Văn M2 đá với gà bông, trọng lượng 2,97kg của Võ Hồng T15, tỷ lệ 1:1. Vững làm trọng tài

và hô xô gà 4.000.000 đồng, có nghĩa là mỗi bên đặt cược số tiền là 4.000.000 đồng.

Bên gà que đen, Nguyễn Văn H6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Trí T12 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Trương Văn M2 đặt cược số tiền 2.000.000 đồng và là người băng cược, thả gà, còn lại số tiền cược 1.000.000 đồng không xác định được người đặt cược.

Bên gà bông, Nguyễn Tú A1 đặt cược số tiền 3.000.000 đồng, Võ Hồng T15 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, T16 (không rõ lý lịch) là người băng cược và thả gà bông.

Kết quả gà bông thắng, V3 nhận tiền từ bên thua 4.000.000 đồng và lấy tiền xâu 5% trên số tiền đặt cược là 200.000 đồng rồi đưa cho Nguyễn Tú A1 số tiền 3.800.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc ở trận gà thứ ba của Trương Văn M2, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Trí T12, Nguyễn Tú A1 và Võ Hồng T15 là 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Lương Chí V3 khai: Được sự cho phép của Nguyễn Phước H, V3 đã chuẩn bị địa điểm, công cụ gồm: băng keo, cược gà, tấm chắn và rủ rê, cáp kèo cho các bị can đến trại gà của H để tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền. Tại đây, V3 làm trọng tài của 03 trận gà và là người thu tiền xâu, V3 hưởng lợi 5% số tiền đặt cược từ bên thắng cược để chia lại cho H. Tổng số tiền xâu V3 nhận được của 03 trận gà là 1.050.000 đồng (*trận thứ nhất là 400.000 đồng; trận thứ hai là 450.000 đồng; trận thứ ba là 200.000 đồng*). Riêng trận gà thứ nhất và trận gà thứ hai, V3 tổ chức cho 10 người trở lên tham gia đánh bạc cùng một lúc mà tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 16.000.000 đồng và 18.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Phước H khai: không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, trên cơ sở lời khai của các bị cáo trong vụ án xác định H là chủ địa điểm nơi diễn ra 03 trận đá gà ngày 02/7/2023. H đã đồng ý cho Lương Chí V3 rủ rê, cáp kèo cho các bị cáo đến trại gà do H quản lý để tham gia đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền để H và V3 cùng chia nhau tiền xâu. Tại thời điểm diễn ra 03 trận gà thắng thua bằng tiền H có mặt để xem các trận gà, đồng thời nói chuyện với V3 và những người tham gia đánh bạc về việc thu tiền xâu. H đã liên lạc với Nguyễn Minh T13 bằng hình thức gọi điện thoại để hẹn kèo đá gà thắng thua bằng tiền rồi báo lại cho V3 biết để sắp xếp kèo.

Bị cáo Nguyễn Minh T13 khai: Minh T13 là người thuê gà xám 2,5kg (trận thứ nhất) và gà xanh 2,8kg (trận thứ hai) của Trần Minh T14, giữa Minh T13 và T14 thỏa thuận mỗi con gà mà Minh T13 thuê nếu đá thắng thì sẽ trả cho T14 số tiền 1.500.000 đồng thông qua Phan Ngọc M. Do 02 con gà nêu trên đều thắng nên Minh T13 phải trả cho T14 số tiền 3.000.000 đồng. Minh T13 tham gia đặt cược 02 trận gà (trận thứ nhất và trận thứ hai). Trận thứ nhất Minh T13 đặt cược số tiền 4.000.000 đồng, thắng 3.800.000 đồng, trận thứ hai Minh T13 đặt cược số tiền 3.500.000 đồng, thắng 3.325.000 đồng, số tiền Minh T13 đặt cược 02 trận gà

là 7.500.000 đồng, thắng 7.125.000 đồng. Do vậy, số tiền Minh T13 tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 16.000.000 đồng, của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Minh T khai: Thiết tham gia đặt cược 02 trận gà (trận thứ nhất và trận thứ hai), trận thứ nhất Thiết đặt cược số tiền 3.000.000 đồng, thắng 2.850.000 đồng, trận gà thứ hai T đặt cược số tiền 3.500.000 đồng, thắng 3.325.000 đồng, số tiền T đặt cược ở hai trận gà là 6.500.000 đồng, thắng 6.175.000 đồng. Do vậy, số tiền T tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 16.000.000 đồng, của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Trí T12 khai: Tuệ tham gia đặt cược 02 trận gà (trận thứ hai và trận thứ ba), trận thứ hai Tuệ đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, thắng 950.000 đồng, trận thứ ba Tuệ đặt cược số tiền 500.000 đồng, thua 500.000 đồng, số tiền T12 đặt cược ở hai trận gà là 1.500.000 đồng, thắng 450.000 đồng. Do vậy, số tiền Tuệ tham gia đánh bạc của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng, của trận gà thứ ba là 8.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn H6 khai: H6 tham gia đặt cược 02 trận gà (trận thứ nhất và trận thứ ba), trận thứ nhất H6 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, thắng 950.000 đồng, trận thứ ba H6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, thua 500.000 đồng, số tiền H6 đặt cược ở hai trận gà là 1.500.000 đồng, thắng 450.000 đồng. Do vậy, số tiền Văn H6 tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 16.000.000 đồng, của trận gà thứ ba là 8.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Tú A1 khai: Tú Anh tham gia đặt cược 02 trận gà (trận thứ hai và trận thứ ba), trận thứ hai Tú A1 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, thắng 950.000 đồng, trận thứ ba Tú A1 đặt cược số tiền 3.000.000 đồng, thắng 2.800.000 đồng, số tiền Tú A1 đặt cược ở hai trận gà là 4.000.000 đồng, thắng 3.750.000 đồng. Do vậy, số tiền Tú A1 tham gia đánh bạc của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng, của trận gà thứ ba là 8.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Văn T6 khai: Văn Tuấn tham gia đặt cược 02 trận gà (trận thứ nhất và trận thứ hai), trận thứ nhất T6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, thua 500.000 đồng, trận thứ hai T6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, thua 500.000 đồng, số tiền T6 đặt cược ở hai trận gà là 1.000.000 đồng, thua 1.000.000 đồng. Do vậy, số tiền Văn T6 tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 16.000.000 đồng, của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng.

Bị cáo Huỳnh Văn R khai: Rót tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ nhất) với số tiền đặt cược 1.000.000 đồng, thua 1.000.000 đồng. Do vậy, số tiền Rót tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 16.000.000 đồng.

Bị cáo Lưu Đăng T8 khai: T8 tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ nhất) với số tiền đặt cược 1.000.000 đồng, thua 1.000.000 đồng. Do vậy, số tiền T8 tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 16.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn L1 khai: Luyến tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ hai), số tiền đặt cược là 2.000.000 đồng, thua 2.000.000 đồng. Do vậy, số tiền Luyến tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 18.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Ngọc Đ2 khai: Đ2 tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ hai), số tiền đặt cược là 500.000 đồng, thua 500.000 đồng. Do vậy, số tiền Đ2 tham gia đánh bạc của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng.

Đỗ Minh N2 khai: N2 tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ hai), số tiền đặt cược là 2.000.000 đồng, thua 2.000.000 đồng. Do vậy, số tiền N2 tham gia đánh bạc của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn L khai: L tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ hai), số tiền đặt cược là 2.000.000 đồng, thua 2.000.000 đồng. Do vậy, số tiền L tham gia đánh bạc của trận gà thứ hai là 18.000.000 đồng.

Bị cáo Võ Trường A khai: A là chủ gà điều, trọng lượng 2,5kg, A tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ nhất), số tiền đặt cược là 2.000.000 đồng, thua 2.000.000 đồng. Do vậy, số tiền A tham gia đánh bạc của trận gà thứ nhất là 16.000.000 đồng.

Bị cáo Võ Hồng T15 khai: T15 là chủ gà bông, trọng lượng 2,97kg, T15 tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ ba), số tiền đặt cược là 1.000.000 đồng, thắng 1.000.000 đồng. Do vậy, số tiền T15 tham gia đánh bạc của trận gà thứ ba là 8.000.000 đồng.

Bị cáo Trương Văn M2 khai: M2 là chủ gà que đen, trọng lượng 3kg, M2 tham gia đặt cược 01 trận (trận gà thứ ba), số tiền đặt cược là 2.000.000 đồng, thua 2.000.000 đồng. Do vậy, số tiền M2 tham gia đánh bạc của trận gà thứ ba là 8.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Thanh T1 khai: Thanh T1 không trực tiếp tham gia đặt cược nhưng là người liên hệ và báo với trọng tài Vũng giúp cho Nguyễn Văn L đặt cược bên gà que ở trận thứ hai số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi kết quả gà que thua, L đã đưa cho Thanh T1 số tiền 2.000.000 đồng để Thanh T1 chung độ cho trọng tài Vũng.

Bị cáo Trần Minh T14, Phan Ngọc M, Tô Tấn P và Võ Ngọc T3 cùng khai: T14 là người cho Minh T13 thuê gà để Minh T13 mang đi đá vào ngày 02/7/2023. Giữa T14 và Minh T13 thoả thuận mỗi con gà đá thắng thì T13 sẽ trả cho T14 số tiền 1.500.000 đồng, nếu đá thua sẽ không lấy tiền mà chỉ lấy xác gà về. Khi đã thống nhất, Minh T13 liên hệ với Phan Ngọc M (là người nuôi gà cho T14) để chỉ địa điểm giao gà, T14 cũng báo cho M biết việc đã đồng ý cho Minh T13 thuê 04 con gà và yêu cầu M đưa gà lên thành phố T cho Minh T13, đồng thời theo dõi các trận gà, nếu gà T14 thắng thì M sẽ lấy tiền thuê gà từ Minh T13 rồi đưa về cho T14. Trước khi đi giao gà cho T14, M rủ Võ Ngọc T3 để hỗ trợ M xách gà thì Ngọc T3 đồng ý giúp và đi cùng. Sau đó, M thuê xe ô tô nhãn hiệu Innova biển số 61A-655.92 của Tô Tấn P để chở M và Võ Ngọc T3 cùng 04 con gà đi từ thành phố D đến đón Minh T13 tại phường T, thành phố T. P biết việc M, Ngọc T3 và Minh T13 đi đá gà thắng thua bằng tiền nhưng vẫn giúp sức, đồng ý chở đi.

Khi đến trại gà của H, Minh T13 sử dụng 02 con gà (01 gà xám 2,5kg và 01 gà xanh 2,8kg) thuê của T14 để đá trận thứ nhất và trận thứ hai, kết quả 02 con gà nêu trên thắng, lúc này M gọi điện thoại báo cho T14 biết việc 02 con gà mà

Minh T13 thuê của T14 đã thắng nhưng Minh T13 chưa đưa tiền thuê gà cho M thì bị bắt.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thu giữ tài liệu, đồ vật liên quan, gồm: số tiền 19.450.000 đồng của Nguyễn Minh T13; 500.000 đồng của Trần Chí Đ5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro màu xanh của Nguyễn Phước H, tình trạng đã qua sử dụng; 8.700.000 đồng của Nguyễn Phước H; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax màu xanh của Lương Chí V3, tình trạng đã qua sử dụng; 1.450.000 đồng của Lương Chí V3; 05 cặp cửa bằng kim loại, tình trạng đã qua sử dụng; 01 bàn cân điện tử, ký hiệu K369, tình trạng đã qua sử dụng; 01 tấm kính bằng nhựa, tình trạng đã qua sử dụng; 01 xe ô tô biển số 61A-655.92, nhãn hiệu Innova, màu trắng bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2024/HS-ST ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Phước H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.
- Các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2 và Võ Trường A phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

1/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, buộc bị cáo Nguyễn Phước H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2023.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

4/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

5/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Ngọc T3 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

6/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Minh N2 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

7/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

8/ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ2 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

9/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

10/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T6 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

11/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Đăng T8 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

12/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tô Tấn P 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

13/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Ngọc M 07 (bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

14/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trí T12 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo

để thi hành án; khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

15/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn M2 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án;

16/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Trường A 08 (tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án;

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử phạt bị cáo Lương Chí V3 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T13 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Trần Minh T14 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm; xử phạt bị cáo Nguyễn Tú A1 11 (mười một) tháng 05 (năm) ngày tù, bằng thời hạn đã tạm giam; xử phạt bị cáo Huỳnh Văn R 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Võ Hồng T15 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”; tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 01/11/2024, các bị cáo Tô Tấn P, Nguyễn Văn H6, Võ Ngọc T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt theo hướng phạt tiền hoặc hưởng án treo; các bị cáo Lê Văn T6, Nguyễn Văn L1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 04/01/2024, bị cáo Nguyễn Phước H kháng cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm tuyên.

Ngày 04/01/2024, các bị cáo Phan Ngọc M, Lê Minh T, Trương Văn M2, Nguyễn Trí T12 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt theo hướng phạt tiền hoặc hưởng án treo.

Ngày 05/01/2024, bị cáo Đỗ Minh N6 đề nghị xem xét lại mức hình phạt, bị cáo Lưu Đặng T8 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 06/01/2024, bị cáo Trần Ngọc Đ2 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 07/01/2024, bị cáo Lê Thanh T1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 08/01/2024, bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo Võ Trường A kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Lưu Đặng T8, Phan Ngọc M, Lê Minh T, Trương Văn M2, Nguyễn Trí T12, Tô Tấn P, Nguyễn Văn H6, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N6, Nguyễn Văn L, Võ Trường A, Lê Văn T6, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Lê Thanh T1 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt hình phạt tiền hoặc cho các bị cáo hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Phước H khai nhận: khu vực trại gà tại địa chỉ: tổ I, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là của gia đình bị cáo H do bị cáo H quản lý. Ngày 02/7/2023, bị cáo Lương Chí V3 có xin H tổ chức đá gà trong khu vực trại gà và bị cáo đồng ý cho V3 tổ chức đánh bạc ở đây. Trong quá trình

tổ tụng tại cấp sơ thẩm, do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo không thừa nhận bị cáo hành vi có tổ chức đánh bạc, nay qua thời hạn tạm giam bị cáo đã suy nghĩ kỹ và biết hành vi của bị cáo là đồng phạm với bị cáo V3 trong việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc. Hiện bị cáo có nuôi 04 người con, trong đó có một người con bị ung thư tuyến giáp và một người bệnh tâm thần, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo sớm được về chăm sóc các con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Bị cáo H nhận lời rủ rê của bị cáo Lương Chí V3 đồng ý dùng địa điểm là của mình quản lý để cùng bị cáo V3 tổ chức 03 trận đá gà (trong đó trận 01 có 12 bị cáo tham gia với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 16.000.000 đồng, trận 2 có 14 bị cáo tham gia với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 18.000.000 đồng, trận 3 có 05 bị cáo tham gia với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 8.000.000 đồng) nhằm thu tiền xâu của người thắng cược và bị cáo V3 trực tiếp chuẩn bị băng keo, cựa gà, làm trọng tài và thu tiền xâu được 1.050.000 đồng; bị cáo H liên lạc với bị cáo Minh T13 hẹn kèo đá gà để bị cáo V3 xếp kèo. Hành vi này của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự đối với trận đá gà thứ nhất và thứ 02. Riêng trận đá gà thứ 03 (số tiền dùng để đánh bạc trên 5.000.000 đồng có 05 người tham gia) thì bị cáo H, V3 tạo điều kiện để cho 05 bị cáo khác tham gia đặt cược thắng thua bằng tiền nên hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, L, Thanh T1, Ngọc T3, N2, L1, Đ2, H6, Văn T6, T8, P, M, T12, M2, A và Võ Hồng T15 có hành vi đặt tiền cá cược, giúp sức đặt tiền cá cược cho đồng phạm khác, giúp sức chuẩn gà, chở gà, ôm thả gà là công cụ phạm tội để tham gia các trận đá gà cá cược thắng thua bằng tiền với số tiền dùng để đánh bạc trên 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng (trận 01 là 16.000.000 đồng, trận 02 là 18.000.000 đồng, trận 03 là 8.000.000 đồng), trong đó bị cáo bị cáo T tham gia 02 trận (trận 01, 02); bị cáo T12 tham gia 02 trận (trận 02, 03); bị cáo H6 tham gia 02 trận (trận 01, 03); bị cáo Văn T6 tham gia 02 trận (trận 01, 02); bị cáo T8 tham gia trận 01; bị cáo L1 tham gia trận 02; bị cáo Đ2 tham gia trận 02; bị cáo N2 tham gia trận 02; bị cáo L tham gia trận 02; bị cáo Thanh T1 tham gia trận 02; bị cáo A tham gia trận 01; bị cáo M2 tham gia trận 03. Bị cáo M, Ngọc T3, P giúp sức chuẩn bị công cụ phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Phước H13 và bị cáo Lương Chí V3 về tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”, xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Phước H kháng cáo cho rằng không phạm tội nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thay đổi nội dung kháng cáo thừa nhận

hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H.

Đối với bị cáo Lê Minh T, mặc dù bị cáo T có 02 lần bị xét xử vào năm 2011, 2014 về tội phạm khác, lần phạm tội này chỉ nhằm cá cược thắng thua bằng tiền, đồng thời có số tiền sử dụng để đánh bạc không lớn nên chỉ cần phạt tiền cũng đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tân P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A chưa có tiền án tiền sự, tham gia cá cược với số tiền không lớn và giúp sức cung cấp công cụ phạm tội, nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần phạt tiền đối với các bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của tất cả bị cáo; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2024/HS-ST ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Phước H, Lê Minh T, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tân P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A như sau:

Giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Phước H.

Xử phạt tiền bị cáo Lê Minh T hình phạt tiền với mức phạt từ 50.000.000 đến 60.000.000 đồng.

Xử phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tân P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Phước H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo H phù hợp với lời khai của Lương Chí V3 và các bị cáo khác tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó có căn cứ xác định: ngày 02/7/2023, tại khu vực trại gà địa chỉ: tổ I, khu phố H, phường T, thành phố T do bị cáo Nguyễn Phước H là người quản lý. Bị cáo H nhận lời rủ rê của bị cáo Lương Chí V3 đồng ý dùng địa điểm của mình quản lý để cùng bị cáo V3 tổ chức đá gà thắng, thua bằng tiền cho các bị cáo Nguyễn Minh T13, Lê Minh T, Trần Minh T14, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Nguyễn Tú A1, Huỳnh Văn R, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Võ Hồng T15, Trương Văn M2 và Võ Trường A với 03 trận gà, cụ thể:

Tổ chức đánh bạc trận thứ nhất giữa gà xám, trọng lượng 2,5kg đá với gà điều, trọng lượng 2,5kg; tổng số tiền tổ chức đánh bạc là 16.000.000 đồng, gồm những người chơi là: Nguyễn Minh T13 đặt cược số tiền 4.000.000 đồng và là người băng cược gà, Nguyễn Văn H6 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, Lê Minh T đặt cược 3.000.000 đồng và là người cân gà, Nguyễn Trí T12 là người thả gà, Võ Trường A đặt cược số tiền 2.000.000 đồng và là người băng cược và thả gà điều, Huỳnh Văn R đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, Lê Văn T6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Lưu Đăng T8 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 3.500.000 đồng chưa xác định được ai là người đặt cược, Trần Minh T14, Phan Ngọc M, Tô Tấn P và Võ Ngọc T3 giúp sức cho Nguyễn Minh T13 bằng cách cung cấp gà cho Minh T13 đánh bạc.

Tổ chức đánh bạc trận thứ hai giữa gà xanh, trọng lượng 2,8kg đá với gà que, trọng lượng 2,8kg; tổng số tiền tổ chức đánh bạc là 18.000.000 đồng, gồm những người chơi là: Nguyễn Minh T13 đặt cược số tiền 3.500.000 đồng và là người băng cược gà, Lê Minh T đặt cược số tiền 3.500.000 đồng và là người cân gà, Nguyễn Trí T12 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng và là người thả gà, Nguyễn Tú A1 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn L1 đặt cược số tiền 2.000.000 đồng, Trần Ngọc Đ2 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Đỗ Minh N2 đặt cược số tiền 2.000.000 đồng, Lê Văn T6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Văn L đặt cược số tiền 2.000.000 đồng thông qua sự giúp sức của Lê Thanh T1, còn lại số tiền 2.000.000 đồng chưa xác định được ai là người đặt cược, người tên T16 (không rõ lý lịch) là người băng cược và thả gà, Trần Minh T14, Phan Ngọc M, Tô Tấn P và Võ Ngọc T3 giúp sức cho Nguyễn Minh T13 bằng cách cung cấp gà cho Minh T13 đánh bạc.

Tổ chức đánh bạc trận gà thứ ba giữa gà que đen, trọng lượng 3kg đá với gà bông, trọng lượng 2,97kg; tổng số tiền đánh bạc là 8.000.000 đồng, gồm những người chơi là: Nguyễn Văn H6 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Trí T12 đặt cược số tiền 500.000 đồng, Trương Văn M2 đặt cược số tiền 2.000.000 đồng và là người băng cược, thả gà, còn lại số tiền cược 1.000.000 đồng chưa xác định được người đặt cược, Nguyễn Tú A1 đặt cược số tiền 3.000.000 đồng, Võ Hồng T15 đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, T16 (không rõ nhân thân) là người băng cược và thả gà bông.

Bị cáo Trần Minh T14, Phan Ngọc M, Tô Tấn P và Võ Ngọc T3 có hành vi giúp sức cho Nguyễn Minh T13 bằng hành vi cho thuê gà, chõ gà đi đá 02 trận với số tiền dùng vào mục đích đánh bạc lần lượt là 16.000.000 đồng và 18.000.000 đồng.

Tại trận đá gà thứ 03, bị cáo Lương Chí V3 cũng là người làm trọng tài, hô xô gà; bị cáo Nguyễn Phước H là người cung cấp địa điểm để các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc nên bị cáo H và bị cáo V3 là đồng phạm tội “Đánh bạc”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Phước H và bị cáo Lương Chí V3 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh T13, Lê Minh T, Trần Minh T14, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Nguyễn Tú A1, Huỳnh Văn R, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Võ Hồng T15, Trương Văn M2 và Võ Trường A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Phước H, Lương Chí V3 về tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”; xét xử các bị cáo Nguyễn Minh T13, Lê Minh T, Trần Minh T14, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Nguyễn Tú A1, Huỳnh Văn R, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Võ Hồng T15, Trương Văn M2 và Võ Trường A về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước H, xét thấy: tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã thể hiện ăn năn hối cải. Trong vụ án này bị cáo Lương Chí V3 là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo V3, hiện nay bị cáo H có bốn người con, trong đó có hai người con mắc bệnh nan y nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H, giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.2] Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A, xét các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng hình phạt tiền cũng đảm bảo giáo dục các bị cáo.

[3.3] Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Minh T, xét thấy: Bản án số 57/2011/HS-ST ngày 08/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã xử phạt 18 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, Bản

án số 24/2014/HS-ST ngày 11/6/2014 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương đã xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong cả hai bản án; tuy nhiên lần này bị cáo lại cố ý phạm tội là thể hiện coi thường pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Phước H, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A là có căn cứ nên chấp nhận. Riêng quan điểm giải quyết vụ án đối với Lê Minh T là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm:

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phước H, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Kháng cáo của bị cáo Lê Minh T không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2024/HS-ST ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Lê Minh T.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2024/HS-ST ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phước H như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Phước H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2023.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2024/HS-ST ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn H6 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Trí T12 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Lê Văn T6 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Võ Trường A số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Đỗ Minh N2 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Lê Thanh T1 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn L1 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Trần Ngọc Đ2 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Lưu Đăng T8 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
Phạt tiền bị cáo Trương Văn M2 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Võ Ngọc T3 số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Phan Ngọc M số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Phạt tiền bị cáo Tô Tấn P số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Phước H, Nguyễn Văn L, Lê Thanh T1, Võ Ngọc T3, Đỗ Minh N2, Nguyễn Văn L1, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn H6, Lê Văn T6, Lưu Đăng T8, Tô Tấn P, Phan Ngọc M, Nguyễn Trí T12, Trương Văn M2, Võ Trường A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác tại quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (32);
- VKSND thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (cấp Lý lịch tư pháp);
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (16);
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, NHMN 60.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ